

Số: 4633 /HD-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2015

HƯỚNG DẪN

Xây dựng và thực hiện dự án đầu tư ở Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/06/2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Đại học Quốc gia Hà Nội hướng dẫn Xây dựng và thực hiện dự án đầu tư ở Đại học Quốc gia Hà Nội như sau:

PHẦN I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. Danh mục viết tắt

Tên đầy đủ	Ký hiệu viết tắt
Đại học Quốc Gia Hà Nội	DHQGHN
Ban Kế hoạch - Tài chính	Ban KHTC
Ban Quản lý các dự án	Ban QLCDA
Khoa học công nghệ	KHCN
Hợp tác quốc tế	HTQT
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Học sinh sinh viên	HSSV
Trung học phổ thông	THPT
Cán bộ	CB
Tiến sỹ	TS
Thạc sỹ	ThS
Sinh viên	SV
Học sinh	HS
Học viên cao học	HVCH
Nghiên cứu sinh	NCS
Cơ sở vật chất	CSVC

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng cho tất cả các cá nhân, tổ chức bao gồm các trường Đại học, viện nghiên cứu, trung tâm, khoa trực thuộc (sau đây gọi là các đơn vị) khi đề xuất, xây dựng, thẩm định, triển khai, giám sát, đánh giá và các công việc khác liên quan tới các dự án đầu tư ở ĐHQGHN sử dụng vốn đầu tư công. Các dự án đầu tư ở ĐHQGHN (sau đây được gọi là dự án) bao gồm các loại dự án sau: dự án đầu tư chiều sâu, dự án tăng cường năng lực, dự án mua sắm trang thiết bị, dự án đầu tư về công nghệ thông tin, dự án đào tạo, dự án bồi dưỡng CB, dự án đầu tư xây dựng công trình, dự án HTQT và các dự án đầu tư khác.

Quy định này không áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA và pháp luật về xây dựng (đối với dự án có cấu phần xây dựng).

Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác (ngoài nguồn vốn trong hướng dẫn này) khuyến khích thực hiện theo Hướng dẫn này.

III. Giải thích từ ngữ

Trong hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

2) Vốn đầu tư công nêu trong hướng dẫn này chỉ là vốn ngân sách nhà nước.

IV. Các yêu cầu xây dựng và thực hiện dự án

1) Các yêu cầu cơ bản trong xây dựng và thực hiện dự án

a) Mục đích, sản phẩm và nội dung của dự án phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của công tác đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ CB, hiện đại hoá CSVC của đơn vị, kế hoạch dài hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch hàng năm của ĐHQGHN và các đơn vị, chiến lược phát triển, nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của ĐHQGHN.

b) Dự án đầu tư ở ĐHQGHN phải dựa vào cách tiếp cận sản phẩm đầu ra (xem Phụ lục I và II) nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo tính bền vững, khả năng duy tu bảo dưỡng, đảm bảo nguồn nhân lực và tài chính nhằm phát triển và duy trì kết quả, hoạt động của dự án sau giai đoạn đầu tư, phục vụ tốt công tác đào tạo, NCKH, mở rộng và thu hút thêm các nguồn lực trong và ngoài nước. Cách tiếp cận sản phẩm đầu ra của dự án phải được thể hiện đầy đủ trong khung logic (xem Hướng dẫn viết khung logic (logframe) ở Phụ lục II).

c) Thể hiện tính liên ngành, liên thông, liên kết, hợp tác, khả năng dùng chung các nguồn lực đội ngũ CB và trang thiết bị trong ĐHQGHN.

Có đánh giá hiện trạng trang thiết bị, CSVC và nguồn nhân lực của đơn vị mình và các đơn vị khác trong và ngoài ĐHQGHN liên quan đến dự án mới: Có luận chứng kinh tế kỹ thuật chi tiết đầy đủ, có phương án thiết kế và phương án công nghệ phù hợp và thể hiện tính sáng tạo, tính mới của dự án, có phương án hạn chế mức độ rủi ro của dự án.

d) Đảm bảo các nguồn lực để xây dựng, vận hành, khai thác trang thiết bị, sử dụng công trình an toàn, phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

đ) Cam kết về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng trong đầu tư, mua sắm, lập và triển khai kế hoạch, phương án mua sắm, đấu thầu.

e) Có hình thức tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát hợp lý.

2) Phương thức thực hiện dự án

a) Chủ đầu tư:

Đối với dự án đầu tư trong ĐHQGHN, chủ đầu tư sẽ do Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

Trường hợp chủ đầu tư không phải là đơn vị quản lý sử dụng, khai thác sản phẩm, đơn vị được giao chủ đầu tư có văn bản đề nghị đơn vị quản lý, sử dụng, khai thác sản phẩm, công trình sau khi đầu tư để cử người có đủ điều kiện năng lực tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý dự án.

Mỗi dự án phải có một CB có trách nhiệm và khả năng điều hành làm chủ nhiệm dự án. Chủ nhiệm dự án do chủ đầu tư quyết định. Trong trường hợp cần thiết thủ trưởng đơn vị/chủ đầu tư có thể làm Chủ nhiệm dự án.

b) Hình thức thực hiện dự án:

Căn cứ quy mô, tính chất của dự án và năng lực của mình, người có thẩm quyền quyết định đầu tư sẽ quyết định hình thức quản lý dự án theo quy định tại Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN II
XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, LẬP
VÀ GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN

I. Trình tự triển khai thực hiện

1) Chuẩn bị đầu tư.

- a) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư
- b) Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi)
- c) Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ trường hợp chỉ phải đăng ký cam kết bảo vệ môi trường) (nếu có)
- d) Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

2) Thực hiện đầu tư

- a) Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán
- b) Điều chuyển quyền quản lý, sử dụng mặt bằng (giao mặt bằng) thuộc thẩm quyền của ĐHQGHN cho chủ đầu tư để thực hiện dự án
- c) Thực hiện thanh lý tài sản, phá dỡ và dọn dẹp mặt bằng (nếu có)
- d) Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
- đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện
- e) Xây dựng công trình
- g) Mua sắm hàng hóa, máy móc, thiết bị

3) Kết thúc dự án đầu tư đưa vào khai thác sử dụng

- a) Nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng và thực hiện bảo hành, bảo trì
- b) Tổng kết và triển khai áp dụng, phát triển dự án
- c) Quyết toán vốn đầu tư và phê duyệt quyết toán

Đối với dự án đầu tư không xây dựng công trình: Không phải thực hiện các bước quy định tại điểm c Khoản 1 Mục I Phần II; điểm a, b, c, e Khoản 2 Mục I phần này.

II. Các bước tiến hành xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án

- 1) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư

a) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư do tổ chức, cá nhân, đơn vị đề xuất phải đáp ứng các yêu cầu ở Mục IV Phần I của Hướng dẫn này để ĐHQGHN thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

b) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gồm các nội dung sau:

- Tên dự án đề xuất, dự kiến chủ đầu tư, chủ nhiệm dự án, đơn vị thực hiện, hình thức quản lý dự án, địa điểm triển khai dự án;

- Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

- Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

- Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

- Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

- Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

- Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội (nếu có);

- Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

- Các giải pháp tổ chức thực hiện;

- Tính bền vững của dự án và hiệu quả của dự án.

Các nội dung mục tiêu, sản phẩm dự kiến, kinh phí dự kiến và tiến độ dự án phải được thể hiện bằng một khung logic (xem Phụ lục I và II về sản phẩm đầu ra và hướng dẫn viết khung logic).

c) Đầu mối và thời hạn nộp hồ sơ:

- Gửi 02 bộ hồ sơ đề xuất dự án và công văn trình ĐHQGHN (bản in trên giấy và bản điện tử) thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư qua đầu mối được quy định trong điểm a Khoản 4 Mục II Phần II của bản Hướng dẫn này.

- Thời hạn gửi đề xuất: trước 30 tháng 6 hàng năm.

d) Phê duyệt chủ trương đầu tư

- Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển của ĐHQGHN.

+ Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.

+ Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn.

+ Dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn do Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt (trừ các dự án cấp bách, đột xuất phải thực hiện ngay theo quyết định của Giám đốc ĐHQGHN).

- Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư:

Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B và C sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

2) Tổ chức lập dự án đầu tư để trình ĐHQGHN thẩm định, phê duyệt

Dự án đầu tư (gọi chung cho cả dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo đầu tư đối với dự án không xây dựng công trình) chỉ được triển khai lập và trình thẩm định, phê duyệt sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Giám đốc ĐHQGHN.

Sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư tổ chức lập dự án đầu tư (theo mẫu viết dự án trong Phụ lục III) để trình ĐHQGHN thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo các nội dung chính như sau:

- Những căn cứ và sự cần thiết xây dựng dự án;
- Mục tiêu;
- Sản phẩm;
- Các hoạt động chính để đạt được mục tiêu, sản phẩm;
- Lựa chọn hình thức đầu tư;
- Các phương án địa điểm cụ thể (trong đó có đề xuất giải pháp hạn chế tới mức tối thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội);
- Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ;
- Các phương án kiến trúc, giải pháp xây dựng, thiết kế sơ bộ của các phương án đề nghị lựa chọn;
- Đánh giá tác động môi trường, giải pháp phòng cháy nổ, thiên tai, yêu cầu an ninh quốc phòng;
- Cơ sở để lập dự toán kinh phí dự án (các báo giá để lựa chọn, catalog ...);
- Xác định rõ nguồn vốn (hoặc loại nguồn vốn), khả năng tài chính, tổng mức đầu tư (kể cả kinh phí thẩm định, quản lý, giám sát, kiểm tra, tổng kết dự án)

và nhu cầu vốn theo tiến độ. Phương án hoàn trả vốn đầu tư (đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn đầu tư);

- Phương án quản lý khai thác dự án và sử dụng lao động;

- Phân tích hiệu quả đầu tư (về KHCN, đào tạo, kinh tế - tài chính, hiệu quả đối với xã hội...);

- Các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư. Dự án có thể lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau khi có quyết định đầu tư (tùy điều kiện cụ thể của dự án). Dự kiến thời gian khởi công, thời hạn hoàn thành đưa công trình vào khai thác sử dụng;

- Kiến nghị hình thức quản lý, thực hiện dự án;

- Mọi quan hệ và trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến dự án;

- Tính bền vững của dự án.

3) Hồ sơ và thời hạn xin trình thẩm định, phê duyệt dự án

a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt dự án bao gồm

- Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu trong Phụ lục IV);

- Dự án (thuyết minh và thiết kế cơ sở của dự án theo mẫu trong Phụ lục III, nếu có);

- Các văn bản pháp lý liên quan;

- Hồ sơ khác (nếu có).

b) Điều kiện điều chỉnh dự án thực hiện theo Điều 46 của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014.

Đối với các dự án đầu tư trình thẩm định, phê duyệt lại do điều chỉnh dự án đầu tư hồ sơ trình thẩm định gồm:

- Công văn xin điều chỉnh dự án (giải trình rõ lý do điều chỉnh);

- Dự án điều chỉnh.

Thời hạn trình thẩm định dự án: trước 01 tháng 9 hàng năm.

4) Thẩm định và phê duyệt dự án

a) Đầu mối thẩm định chủ trương đầu tư/dự án đầu tư

Đối với các dự án do Giám đốc ĐHQGHN quyết định đầu tư, Ban KHTC là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt. Các Ban chức năng khác phối hợp thẩm định theo đề xuất của Ban KHTC đối với những vấn đề thuộc chuyên môn, lĩnh vực được giao quản lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các Ban chức năng đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.

Các đơn vị được Giám đốc ĐHQGHN ủy quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm giao cho một đơn vị chuyên môn trực thuộc làm đầu mối tổ chức thẩm định.

Đối với các dự án khác hoặc trong trường hợp đặc biệt, đầu mối thẩm định dự án do Giám đốc ĐHQGHN chỉ định.

b) Tổ chức thẩm định:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan, đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (bao gồm cả cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án). Trường hợp cần thiết, đơn vị đầu mối thẩm định dự án thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ dự án.

Các Ban chức năng, đơn vị và cơ quan liên quan có trách nhiệm thẩm định các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được phân công khi có đề nghị của cơ quan đầu mối.

Đối với dự án bao gồm các cấu phần có chuyên ngành khác nhau, các Ban chức năng chuyên môn gửi văn bản phối hợp thẩm định về cơ quan đầu mối thẩm định dự án đã được chỉ định.

c) Nội dung và yêu cầu thẩm định

- Về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư.

Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Giám đốc ĐHQGHN, Ban KHTC chủ trì, lập hồ sơ thẩm định báo cáo Giám đốc ĐHQGHN để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định trước khi quyết định đầu tư. Thời gian thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính không tính vào thời gian thẩm định dự án quy định tại Khoản 3 mục này.

- Về thẩm định thiết kế công nghệ/ dây chuyền công nghệ đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

+ Việc thẩm định thiết kế công nghệ/ dây chuyền công nghệ các dự án không có cấu phần xây dựng được thực hiện cùng với việc thẩm định dự án đầu tư, không phải tổ chức thẩm định riêng, tuân theo quy định tại khoản 2 điều 44 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13.

- Về thẩm định thiết kế cơ sở công trình (đối với dự án có cấu phần xây dựng): thực hiện theo quy định riêng về quản lý và thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong ĐHQGHN (hiện tại là Quyết định 1035/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/04/2014).

- Về thẩm định thiết kế sơ bộ các dự án ứng dụng công nghệ thông tin:

+ Việc thẩm định thiết kế sơ bộ các dự án ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện cùng với việc thẩm định dự án đầu tư, không phải tổ chức thẩm định riêng tuân theo Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các cơ quan thẩm định thiết kế sơ bộ dự án ứng dụng công nghệ thông tin đồng thời có trách nhiệm thẩm định tổng mức đầu tư dự án về các nội dung: Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư với đặc điểm, tính chất kỹ thuật và yêu cầu công nghệ của dự án; tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với dự án nhóm A, cơ quan đầu mối thẩm định dự án gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế sơ bộ đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trực tiếp (hoặc đề nghị chủ đầu tư) thuê tổ chức tư vấn để thẩm tra tổng mức đầu tư dự án làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, lập tờ trình đối với dự án không có cấu phần xây dựng, trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư; trường hợp dự án chưa đủ điều kiện phê duyệt cơ quan đầu mối thẩm định có thông báo kết quả thẩm định bằng văn bản.

- Nội dung thẩm định dự án

Trên cơ sở các yêu cầu nêu ở Khoản 1 Mục IV Phần I của Hướng dẫn này, dự án được xem xét thẩm định các nội dung sau:

+ Mục tiêu, sản phẩm đầu ra của dự án;

+ Các hoạt động đảm bảo hiệu quả của dự án, nội dung dự án (giải pháp công nghệ, thiết kế cơ sở, phương án kiến trúc, quy chuẩn xây dựng...);

+ Các yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án;

+ Các điều kiện tài chính, giá cả;

+ Hiệu quả đầu tư và phương án hoàn trả vốn đầu tư của dự án (nếu có), tính bền vững của dự án;

+ An toàn môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các vấn đề an ninh xã hội của dự án;

+ Các vấn đề rủi ro của dự án có thể xảy ra trong quá trình thực hiện làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư.

d) Thời gian thẩm định dự án đầu tư (được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ):

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Báo cáo đầu tư dự án không xây dựng công trình): không quá 07 ngày làm việc;

- Dự án thuộc nhóm C: không quá 10 ngày làm việc;
- Dự án thuộc nhóm B: không quá 15 ngày làm việc;
- Dự án thuộc nhóm A: không quá 20 ngày làm việc;

đ) Thời gian thẩm định về thiết kế cơ sở, thẩm định các nội dung của các cơ quan liên quan (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ):

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: không quá 07 ngày làm việc;
- Dự án thuộc nhóm C: không quá 07 ngày làm việc;
- Dự án thuộc nhóm B: không quá 10 ngày làm việc;
- Dự án thuộc nhóm A: không quá 15 ngày làm việc (không bao gồm thời gian để cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thẩm định).

Đơn vị đầu mối phối hợp với các Ban chức năng có liên quan có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến bằng văn bản trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt theo thời gian tối đa không quá 5 ngày làm việc. Nếu quá thời gian qui định mà các Ban chức năng liên quan không có phản hồi bằng văn bản cho đơn vị đầu mối thì được coi như đồng ý với nội dung dự án thuộc lĩnh vực ban phụ trách, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc ĐHQGHN và pháp luật.

e) Phê duyệt dự án

- Đơn vị đầu mối phối hợp với các Ban chức năng liên quan trình hồ sơ xin phê duyệt dự án, các văn bản thẩm định dự án báo cáo Giám đốc ĐHQGHN xem xét, phê duyệt.

- Thời gian phê duyệt dự án không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hoàn chỉnh.

- Đối với các dự án đầu tư phải phê duyệt và trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/10 hàng năm.

g) Kinh phí thẩm định dự án

Kinh phí dành cho thẩm định dự án thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN (Quyết định số 1721/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/5/2015 của ĐHQGHN về ban hành quy định phát triển, quản lý và sử dụng nguồn thu bổ sung ngân sách nhà nước cấp trong toàn ĐHQGHN).

III. Lập và giao kế hoạch vốn đầu tư dự án

1) Lập kế hoạch vốn đầu tư dự án

Căn cứ quyết định phê duyệt và tiến độ thực hiện dự án, trước ngày 30/6 hàng năm chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư thực hiện dự án gửi ĐHQGHN xem

xét, lựa chọn và tổng hợp đưa vào kế hoạch vốn đầu tư của ĐHQGHN gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2) Điều kiện được giao kế hoạch vốn.

Các dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư phải đảm bảo điều kiện theo Quyết định số 1721/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/5/2015.

3) Ban KHTC làm đầu mối thẩm định, tổng hợp và trình Giám đốc ĐHQGHN kế hoạch và quyết định giao vốn đầu tư hàng năm của dự án.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. Xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện dự án

1) Sau khi dự án được phê duyệt và giao kế hoạch vốn để thực hiện đầu tư, Thủ trưởng đơn vị được Giám đốc ĐHQGHN giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án hoặc Ban điều hành dự án của đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai dự án báo cáo các Ban chức năng đầu mối để theo dõi, chỉ đạo.

2) Xây dựng kế hoạch chi tiết

Các dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo hướng dẫn riêng của ĐHQGHN (hiện tại là Quyết định 1035/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/04/2014).

Đối với dự án đầu tư không xây dựng công trình và dự án đầu tư khác thực hiện xây dựng kế hoạch chi tiết như sau:

Trên cơ sở dự án đã được thẩm định, phê duyệt và tiến độ cấp vốn chủ đầu tư tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện dự án (theo Mục 6 Phụ lục III) bao gồm:

- Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án;
- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB;
- Kế hoạch mua sắm, đấu thầu;
- Kế hoạch tài chính (tổng dự toán, phân khai chi tiết kinh phí hàng năm);
- Kế hoạch giám sát, đánh giá;
- Các kế hoạch khác.

II. Triển khai thực hiện dự án

1) Triển khai các nội dung công việc của dự án

Chủ đầu tư/Thủ trưởng đơn vị có dự án chịu trách nhiệm triển khai tất cả các hoạt động thực hiện dự án, nghiệm thu, bàn giao tất cả các hạng mục, các trang thiết bị của dự án cho các đơn vị thụ hưởng tuân thủ các quy định của Nhà nước và

của ĐHQGHN, đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm khai thác, vận hành có hiệu quả, đúng kế hoạch nhằm đạt mục tiêu, sản phẩm của dự án.

Đơn vị hưởng thụ dự án có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, bố trí địa điểm và CSVC cần thiết để triển khai dự án. Sau 06 tháng phải có sơ kết báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, sản phẩm, tình hình giải ngân theo kế hoạch đã nêu trong dự án.

Văn phòng và các Ban chức năng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nội dung của dự án liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình.

2) Lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư có nhiệm vụ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu lên người quyết định đầu tư xem xét phê duyệt, đồng thời gửi cho Ban chức năng đầu mối thẩm định.

a) Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (theo Điều 33 đến 37 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013):

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư;
- Điều ước quốc tế hoặc văn bản thoả thuận quốc tế đối với các dự án quốc tế (nếu có);
- Thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt (nếu có);
- Nguồn vốn cho dự án;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

b) Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Căn cứ vào Luật Đấu thầu, chủ đầu tư phân chia dự án thành các gói thầu. Nội dung của các gói thầu gồm: tên gói thầu; giá gói thầu; nguồn vốn; hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Hồ sơ trình duyệt

Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gồm có:

- Phần công việc đã thực hiện bao gồm những công việc liên quan tới chuẩn bị dự án với các giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện;
- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định từ Điều 20 đến 27 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;
- Phần kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

d) Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Ban KHTC là đầu mối phối hợp với các Ban chức năng có liên quan tổ chức thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có). Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong thời gian không quá 10 ngày kể từ khi nhận được tờ trình của chủ đầu tư.

3) Lập hồ sơ mời thầu, phê duyệt hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu

a) Lập hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu

Sau khi có kết quả thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và quyết định giao kế hoạch vốn của dự án, chủ đầu tư tiến hành lập hồ sơ mời thầu để thẩm định và phê duyệt.

b) Lựa chọn nhà thầu

Sau khi hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được phê duyệt chủ đầu tư tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo qui định của Luật Đấu thầu.

4) Mua sắm, bàn giao tạm thời cho đơn vị thụ hưởng quản lý sử dụng thiết bị, vật tư khi kết thúc gói thầu (chưa kết thúc dự án)

Chủ đầu tư tổ chức ký kết hợp đồng mua sắm thiết bị, hàng hoá theo kết quả lựa chọn nhà thầu của dự án đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đã ký kết. Các đơn vị thực hiện dự án có nhiệm vụ tổ chức nghiệm thu dự án, bàn giao để đưa vào quản lý và sử dụng tài sản đã mua sắm theo các quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN. Thành phần tổ nghiệm thu dự án phải có CB trực tiếp sử dụng, quản lý các sản phẩm của dự án.

Việc dán tem các thiết bị và khai báo vào sổ quản lý thiết bị theo quy định của ĐHQGHN phải được thực hiện đồng thời với việc ký kết nghiệm thu thiết bị với sự có mặt của CB quản lý đơn vị và CB sử dụng thiết bị.

Đối với các thiết bị phải có báo cáo hiệu quả sử dụng hàng năm (theo tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị của ĐHQGHN).

Các đơn vị thực hiện dự án có nhiệm vụ tổ chức nghiệm thu dự án.

5) Kết thúc dự án đầu tư đưa vào khai thác sử dụng

- Nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng và thực hiện bảo hành, bảo trì:

Các dự án đầu tư trước khi đưa vào khai thác sử dụng phải được nghiệm thu, bàn giao theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án đầu tư có xây dựng công trình, việc quản lý chất lượng xây dựng, nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng, kinh doanh, bảo hành, bảo trì công trình phải đảm bảo tuân thủ quy định

của Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn thực hiện của các cơ quan có thẩm quyền.

- Quyết toán đầu tư:

+ Các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước phải thực hiện quản lý chi phí và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của Chính phủ, Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

+ Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt chậm nhất là 12 tháng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, 9 tháng đối với các dự án nhóm B, 6 tháng đối với các dự án nhóm C kể từ khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng. Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư.

- Ban KHTC chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc ĐHQGHN.

6) Kiểm tra việc quản lý và sử dụng trang thiết bị

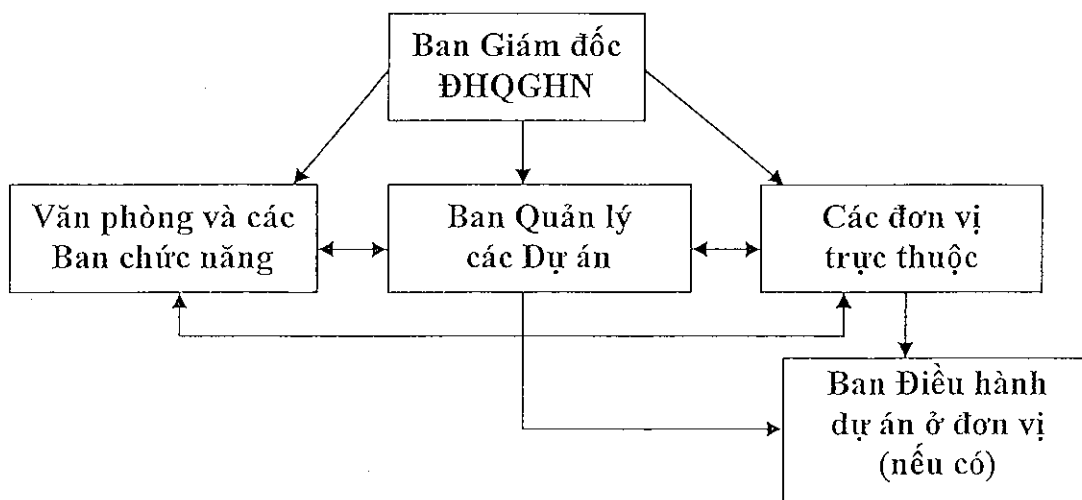
ĐHQGHN sẽ tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc quản lý, hoạt động, sản phẩm, khả năng giải ngân và hiệu quả của dự án.

PHẦN IV GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

I. Quản lý dự án

1) Hệ thống tổ chức quản lý dự án

Hệ thống quản lý các dự án ở ĐHQGHN tuân theo sơ đồ sau:



Văn phòng và các Ban chức năng có trách nhiệm giám sát, kiểm tra các nội dung liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình trong dự án.

2) Ban Điều hành dự án ở đơn vị (nếu có)

Trường hợp Ban QLCDA làm chủ đầu tư, Ban QLCDA có thể phối hợp với các Ban chức năng và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc đề xuất Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập Ban Điều hành dự án (nếu cần thiết). Trường hợp đơn vị trực thuộc ĐHQGHN làm chủ đầu tư, tùy theo quy mô dự án, đơn vị có thể thành lập Ban Điều hành dự án ở đơn vị. Các đơn vị phối hợp với Ban QLCDA để ra quyết định thành lập Ban Điều hành dự án của đơn vị. Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Ban Điều hành dự án ở đơn vị gồm có trưởng ban, các phó trưởng ban, các bộ phận có liên quan/KHCN/Đào tạo/Quản trị/Tài chính - Kế toán v.v...

3) Chức năng, nhiệm vụ của Ban Điều hành dự án

Ban Điều hành dự án ở đơn vị trực tiếp thực hiện các khoản mục của dự án theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Nhiệm vụ và cơ chế phối hợp của các thành viên chủ chốt trong hợp đồng bàn giao dự án và trong Ban Điều hành dự án phải được phân công rõ bằng văn bản phù hợp với mục tiêu sản phẩm, nội dung cụ thể của từng dự án.

II. Giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án

1) Yêu cầu và nội dung giám sát, đánh giá đầu tư gồm:

a) Tiến độ thực hiện kế hoạch của dự án, cụ thể là:

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án;
- Tiến độ thực hiện các biện pháp tổ chức thực hiện dự án;
- Tiến độ và quy trình giải ngân.

b) Giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc chấp hành các quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị;

c) Qua giám sát, đánh giá đầu tư, phát hiện các nội dung phát sinh và nguyên nhân để điều chỉnh và đề xuất, kiến nghị với ĐHQGHN xử lý bảo đảm tính hiệu quả, tính khả thi của dự án;

d) Trách nhiệm của ĐHQGHN, các đơn vị tham gia dự án trong việc thực hiện triển khai các nhiệm vụ của dự án;

đ) Các nội dung khác.

2) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án

ĐHQGHN hoặc người được uỷ quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư. Một số dự án theo yêu cầu phải gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ban QLCDA là đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá dự án với các chức năng được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLCDA (Quyết định số 4414/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/12/2013).

Văn phòng và các Ban chức năng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, sản phẩm của dự án liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình.

Các đơn vị thực hiện và thụ hưởng dự án có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện theo yêu cầu của Ban QLCDA.

III. Xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1) Xử lý vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư

Đối với các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước hoặc 500 tỷ đồng trở lên, chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thì Ban KHTC phối hợp với Ban Khoa học công nghệ, Ban Xây dựng và các ban chức năng có liên quan cần báo cáo cấp có thẩm quyền và kiến nghị các hình thức xử lý về hành chính (2 kỳ liền không có báo cáo hoặc 3 kỳ không báo cáo, đề nghị hình thức cảnh cáo; 3 kỳ liền không có báo cáo hoặc 6 kỳ không báo cáo, đề nghị chuyển công tác những người có liên quan thực hiện nhiệm vụ khác).

Các dự án không thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư 2 kỳ liền hoặc 3 kỳ trở lên trong năm trước sẽ không được ghi vốn kế hoạch năm sau.

Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thường kỳ theo quy định.

2) Xử lý các vi phạm về quản lý đầu tư trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư:

Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo kịp thời các cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định.

Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cố tình che giấu các trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư sẽ chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về các sai phạm và hậu quả gây ra.

IV. Tổng kết và triển khai áp dụng, phát triển dự án

1) Báo cáo tổng kết

Báo cáo tổng kết thực hiện dự án gồm toàn bộ tình hình thực hiện dự án, sản phẩm, hiệu quả và tác động của dự án, đánh giá mức độ đạt các chỉ tiêu của dự án, đề xuất hướng phát triển nhiệm vụ tiếp theo, các giải pháp và điều kiện duy trì các hoạt động dự án sau giai đoạn đầu tư (theo mẫu trong Phụ lục VI).

2) Đánh giá điều kiện triển khai áp dụng dự án

a) Tổng hợp, giới thiệu sản phẩm của dự án;

b) Khả năng tìm kiếm các đối tác, cơ quan đơn vị, cá nhân có thể sử dụng sản phẩm dự án;

c) Khả năng chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chuyển giao sản phẩm dự án cho các đối tác;

d) Khả năng chuẩn bị các nguồn lực để duy trì kết quả của dự án;

đ) Khả năng đóng góp tài chính để phát triển dự án tiếp theo;

e) Năng lực quản lý, đảm bảo duy trì và phát triển kết quả dự án.

3) Đánh giá nguồn lực xây dựng và phát triển các dự án tiếp theo

Đơn vị thực hiện và hưởng thụ dự án phối hợp với Ban QLCDA có trách nhiệm tìm nguồn, xây dựng các dự án mới. ĐHQGHN sẽ xem xét và quyết định phát triển dự án phù hợp với chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn 5 năm ĐHQGHN và các yêu cầu cần thiết khác.

4) Tổ chức tổng kết dự án

Đơn vị thực hiện dự án có trách nhiệm lập báo cáo và tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện dự án và đánh giá khả năng phát triển dự án. Ban QLCDA có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc tổng kết thực hiện dự án.

Văn phòng, các Ban chức năng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị theo dõi đánh giá tổng kết các nội dung, sản phẩm của dự án liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình và gửi cho Ban QLCDA để tổng hợp thành báo cáo đánh giá chung. Chủ đầu tư bàn giao kết quả, sản phẩm, báo cáo tổng kết cùng toàn bộ tài liệu liên quan đến dự án ở dạng bản in và bản điện tử cho đơn vị sử dụng cuối cùng.

PHẦN V
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

I. Trách nhiệm thực hiện

1) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc ĐHQGHN chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và đôn đốc thực hiện các dự án theo Hướng dẫn này.

2) Ban QLCTDA, Văn phòng và các Ban chức năng của ĐHQGHN có trách nhiệm phối hợp và hướng dẫn các đơn vị thực hiện chủ trương của ĐHQGHN.

II. Hiệu lực thi hành

1) Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 1658/HD-KHCN-KHTC ngày 04/06/2010 của Giám đốc ĐHQGHN về hướng dẫn xây dựng và thực hiện dự án đầu tư ở ĐHQGHN.

2) Dự án đầu tư đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật thì được tiếp tục thực hiện theo quy định. Các trường hợp khác, trong quá trình triển khai ĐHQGHN xem xét quyết định cụ thể. Các thủ tục tiếp theo của dự án, thực hiện theo Hướng dẫn này.

3) Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về ĐHQGHN (qua Ban KHTC) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Giám đốc (để b/c);
- Ban QLCTDA (để t/h);
- Các đơn vị thuộc ĐHQGHN (để t/h);
- VP, các ban chức năng (để phối hợp t/h);
- Lưu: VT, Ban TCCB, P50.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Hải

Phụ lục I

SẢN PHẨM TỪ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 4633/HD-ĐHQGHN ngày 28 tháng 11 năm 2015 của ĐHQGHN)

1. Đào tạo

a) Số lượng, chất lượng SV, ThS, TS tốt nghiệp có kiến thức, năng lực, các kỹ năng mềm cần thiết, trình độ ngoại ngữ IELTS 4.0, 5.5, 6.0 với các hệ tương ứng theo các chương trình đào tạo chuẩn, tiên tiến, chương trình thuộc nhiệm vụ chiến lược, tài năng, chất lượng cao, liên kết quốc tế, vừa làm vừa học, theo kết quả học tập: số SV được thực tập ở các trường đại học, viện nghiên cứu, đặc biệt là các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

b) Số SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp/tổng số SV tốt nghiệp.

c) Số SV nước ngoài đến học (theo các hệ, các trình độ đào tạo...).

d) Số lượng, chất lượng HS THPT tốt nghiệp.

đ) Số giải thưởng HS, SV, HVCH, NCS đạt được.

e) Số lượng chương trình đào tạo chuyển đổi, cập nhật theo yêu cầu đào tạo theo tín chỉ, theo CDIO để đáp ứng yêu cầu xã hội; số lượng các chương trình đào tạo mới, liên ngành, độc đáo được xây dựng, thực hiện; số lượng các chương trình đào tạo liên kết quốc tế với các đối tác nước ngoài có uy tín.

g) Số lượng giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo được biên soạn, xuất bản hoặc mua (thống kê theo nhiệm vụ chiến lược, chương trình đào tạo tiên tiến, Đề án 165...) ở dạng in, điện tử, số hóa phục vụ video conferencing, ...

h) Giải pháp hoặc cách thức tuyển sinh đại học sau đại học mới, tiên tiến, phù hợp được đề xuất/áp dụng.

i) Hệ thống tổ chức, phương thức hợp lý giảng dạy các môn học chung (lý luận chính trị, ngoại ngữ...).

k) Số CB giảng dạy áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến; số SV, HVCH, NCS được tham gia giảng dạy và các hoạt động văn hóa - xã hội phục vụ cộng đồng; số các bài giảng, cemina, ngoại khoá thực hiện bởi các nhà khoa học giỏi được mời từ các trường, viện nghiên cứu, các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

l) Các khóa đào tạo bồi dưỡng: chuyên môn hoặc kỹ năng được bồi dưỡng, thời gian, số lượng, số người tham gia ...

2. Khoa học - Công nghệ

a) Số lượng phát minh, sáng chế, phát hiện mới, đề xuất mới, công nghệ mới, phương pháp mới, giải pháp mới, thông tin và dữ liệu mới...

b) Số lượng sản phẩm công nghệ (thiết bị, dụng cụ, giải pháp...), sản phẩm KHCN được đề xuất chuyển thành sản phẩm thương mại.

Các sản phẩm trên được thể hiện trong nội dung các bài báo khoa học đăng trên tạp chí (quốc gia, quốc tế, các nước phát triển...), các báo cáo khoa học trình bày tại các hội nghị khoa học quốc tế, trong nước, sách chuyên khảo, giáo trình được xuất bản, tài liệu nghiên cứu mẫu (case study) và các dạng khác.

c) Số CB, SV (trong và ngoài nước) được đào tạo qua hoạt động KHCN, được sử dụng nội dung, kết quả và kinh phí nghiên cứu KHCN.

d) Số CB khoa học quốc tế đến làm việc (theo đề tài, dự án KHCN, tài trợ, các nguồn khác).

đ) Số lượng các đề tài (theo cấp quản lý), dự án nghiên cứu và kinh phí.

e) Số lượng các hợp đồng nghiên cứu triển khai, dịch vụ và số kinh phí thu được.

3. Tổ chức cán bộ

a) Số lượng và chất lượng CB (trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm...) được tuyển dụng mới, được thu hút (có học vị TS trở lên, giỏi ngoại ngữ, có bài đăng tạp chí khoa học có uy tín...).

b) Số lượng, qui mô (số CB tham gia) các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng CB; số lượng các kỹ năng được huấn luyện.

c) Số CB, thời gian thực tập, trao đổi ở các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp (trong và ngoài nước), tham dự các hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế.

d) Các giải pháp thu hút CB giỏi, phát triển đội ngũ CB về chất lượng được đề xuất/thực hiện.

4. Cơ sở vật chất

a) Số lượng (m^2 , công trình...), chất lượng các công trình xây mới, cải tạo hoặc nâng cấp.

b) Số lượng, giá trị (tính bằng đồng Việt Nam) trang thiết bị, dụng cụ đào tạo, phục vụ NCKH...được bổ sung theo thời gian.

c) Hệ thống thông tin, số liệu và đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng đất và công trình theo từng đơn vị.

d) Số phòng thí nghiệm mũi nhọn và trọng điểm hoàn thiện đưa vào hoạt động.

đ) Mô hình, cách thức quản lý, khai thác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng CSVC phục vụ giảng dạy và NCKH.

e) Số lượng, giá trị phần mềm ứng dụng trong hoạt động.

g) Sản phẩm sử dụng CSVC: Số lượng, chất lượng CB, SV được đào tạo, sử dụng từng loại CSVC; số lượng và chất lượng các hoạt động KHCN, hoạt động văn hóa, thể thao có sử dụng từng loại CSVC; tần suất, qui mô sử dụng (số người/đơn

vị CSVC/ngày, tháng); đẩy mạnh liên thông, liên kết hợp tác giữa các đơn vị phát triển tinh thần cộng đồng ĐHQGHN, các đơn vị; số kinh phí thu được qua khai thác CSVC...

5. Kế hoạch tài chính

a) Số kinh phí được phân bổ trên tổng kinh phí theo kế hoạch, theo thời gian; kinh phí giải ngân trên tổng kinh phí được cấp theo thời gian dự án.

b) Bổ sung, phát triển, sử dụng hiệu quả nguồn thu bổ sung; tỷ lệ nguồn thu bổ sung đạt được so với tổng kinh phí hoạt động của dự án.

c) Nguồn thu bổ sung (tính bằng kinh phí thu được từ các nguồn khác nhau): Học phí đại học chính qui, không chính qui, sau đại học, liên kết đào tạo quốc tế, bằng kép, ngành kép, các khóa đào tạo/tập huấn; nghiên cứu triển khai dịch vụ kinh doanh KHCN; khai thác CSVC; các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn thu khác thông qua dự án.

d) Số lượng, qui mô (tổng kinh phí) các chương trình, dự án đầu tư theo định hướng ưu tiên nhiệm vụ trọng tâm của ĐHQGHN; các đơn vị được xây dựng và phê duyệt cấp kinh phí.

đ) Mức tăng thu nhập của CB.

6. Hợp tác quốc tế

a) Số lượng và kinh phí dự án hoặc đề tài HTQT, số lượng và giá trị học bổng, các nguồn thu khác từ HTQT.

b) Số lượng CB, SV được đi thực tập trao đổi ở nước ngoài, các tài trợ của tổ chức quốc tế cho SV...; hiệu quả, chất lượng của các chuyến đi công tác, học tập nước ngoài của CB, SV.

c) Số lượng CB khoa học, quản lý giáo dục...của các tổ chức quốc tế đến công tác (giảng dạy, NCKH, cố vấn) ở ĐHQGHN và các đơn vị.

d) Số lượng văn bản hợp tác được kí kết, số chương trình hợp tác đã được thực hiện với các đối tác trong khu vực và quốc tế.

7. Chính trị tư tưởng

a) Số CB, SV đọc bản tin, truy cập trang web, thông tin liên quan dự án.

b) Số lượng, chất lượng hoạt động xây dựng và phát triển cộng đồng, liên thông, liên kết, thương hiệu ĐHQGHN, các đơn vị.

8. Công tác sinh viên

a) Quy định hướng dẫn công tác quản lý HSSV phù hợp với đào tạo theo tín chỉ, theo chuẩn quốc tế/liên kết đào tạo quốc tế, bằng kép, ngành kép.

b) Cơ sở dữ liệu SV, số lượng SV (kể cả cựu SV), HS THPT, HVCH và NCS được quản lý theo hệ thống dữ liệu và thẻ SV liên quan dự án.

c) Số lượng, chất lượng các câu lạc bộ hoạt động thông qua dự án.

d) Số lượng SV thông qua dự án:

- Được hướng dẫn học tập theo phương pháp mới;
- Có học bổng trong/ngoài nước (thống kê theo từng loại);
- Được đào tạo kỹ năng mềm (số lượng kỹ năng mềm/SV);
- Tham gia NCKH, hoạt động xã hội.

đ) Tổng giá trị học bổng ngoài ngân sách được khai thác hỗ trợ HSSV của dự án.

9. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng văn hoá chất lượng

a) Bộ chuẩn chất lượng của các môn học; chuẩn năng lực đầu ra của các chương trình đào tạo; các tiêu chí chất lượng các công trình NCKH theo tiếp cận chất lượng sản phẩm đầu ra; chuẩn chất lượng các loại CB được áp dụng tại các đơn vị thông qua dự án.

b) Báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài phục vụ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn ĐHQGHN, theo tiêu chuẩn kiểm định của AUN của dự án.

c) Số lượng CB được tập huấn và bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng của dự án.

d) Số các chương trình hợp tác, số đơn vị hợp tác về văn hoá chất lượng và xây dựng thương hiệu được triển khai thông qua dự án.

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN VIẾT KHUNG LOGIC (LOGFRAME)

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 4633 /HD-ĐHQGHN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của ĐHQGHN)

1. Mục tiêu

Tóm tắt mục tiêu chung của dự án nhằm phục vụ mục đích nào trong các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai công nghệ, xây dựng cơ bản, tăng cường năng lực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế hoặc các mục tiêu khác.

2. Sản phẩm dự kiến

Tóm tắt mục đích cụ thể của dự án, thể hiện sản phẩm đầu ra của dự án. Mục đích cụ thể là giải quyết vấn đề gì trong mục tiêu chung đã đặt ra. Ví dụ: Giải quyết một vấn đề cụ thể cần tháo gỡ trong một hướng nghiên cứu; đưa ra một giải thích làm sáng tỏ một bài toán; tìm tòi phát hiện một quy luật mới KHCN; khảo sát một số quy trình công nghệ để hướng tới một vài ứng dụng thực tiễn cụ thể; nghiên cứu một quy trình chế tạo, sản xuất có định hướng ứng dụng; tìm hiểu những lỗ hổng, sai sót cần phải tránh trong một quy trình KHCN; phát triển một giải pháp hữu ích; triển khai một công nghệ có hiệu quả kinh tế...

Các sản phẩm đều phải có một định hướng ứng dụng cụ thể trong KHCN, trong thực tiễn kinh tế xã hội, chính trị an ninh quốc phòng...

Đối với các dự án tăng cường năng lực đào tạo cần chỉ ra mục tiêu cần giải quyết để nâng cao năng lực đào tạo của đơn vị nhằm hướng tới chuẩn quốc tế, chỉ tiêu chất lượng đào tạo dự kiến cần đạt được thông qua dự án, số ngành đào tạo, giáo trình, tín chỉ, số lượt cử nhân, ThS, TS được đào tạo hàng năm...

3. Hoạt động để đạt mục tiêu và sản phẩm

Nếu chi tiết các hoạt động dự kiến phải thực hiện trong tiến độ của dự án, từ khảo sát, tìm hiểu nguyên lý đến triển khai khảo sát đo đạc, nghiên cứu thử nghiệm, so sánh, chuẩn hóa, tối ưu... nhằm đạt được các sản phẩm dự kiến.

4. Các nguồn lực để đạt được mục tiêu, sản phẩm dự kiến

a) Thiết bị đã có

Nêu những thiết bị chính, cần thiết để thực hiện dự án đã có trong đơn vị hoặc trong ĐHQGHN có thể khai thác, thể hiện tiềm năng sẵn có của dự án.

b) Thiết bị đề nghị tăng cường để thực hiện dự án

Xuất phát từ nhiệm vụ và các hoạt động KHCN cần thực hiện triển khai đề đề xuất các trang thiết bị vật tư tương ứng nhằm đạt được sản phẩm dự kiến.

c) Số cán bộ cần đào tạo

Tùy theo từng dự án có thể đặt vấn đề đào tạo huấn luyện CB sử dụng thiết bị hay cử CB đi học nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đạt được sản phẩm dự kiến và khai thác lâu dài thiết bị. Có thể đề xuất đào tạo trong nước hoặc nước ngoài tùy theo nội dung và hướng nghiên cứu KHCN mà dự án đặt ra.

Mọi lựa chọn đề xuất thiết bị cũng như đào tạo phải cân nhắc để có tỷ lệ thích hợp trong tổng kinh phí dự kiến.

5. Chỉ số hiệu quả sử dụng tài chính, cơ sở vật chất

Hiệu quả sử dụng được tính dựa vào tỷ lệ giữa số lượng sản phẩm dưới đây trên tổng kinh phí và nguồn lực được đầu tư, sự rút ngắn thời gian thực hiện để đạt được các sản phẩm.

a) Số lượng và chất lượng người học (HS THPT, SV, HVCH, NCS) được đào tạo;

b) Số lượng, chất lượng hoạt động KHCN;

c) Số lượng, chất lượng CB được đào tạo;

d) Số lượng, chất lượng của các hoạt động khác (văn hóa, thể thao...);

đ) Mật độ, tần suất sử dụng;

e) Mức độ liên thông, liên kết phát triển thương hiệu ĐHQGHN, phát huy được tinh thần cộng đồng, chia sẻ, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các đơn vị; số lượng CB SV đơn vị khác sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị và nguồn lực khác của dự án;

g) Số kinh phí thu được do khai thác thêm cơ sở vật chất trang thiết bị sẽ được phân chia theo tỷ lệ hợp lý cho nhà đầu tư (nếu có), đơn vị quản lý, đơn vị sử dụng để duy tu, bảo dưỡng và phát triển cơ sở vật chất đồng thời dành vào tích lũy;

h) Các sản phẩm khác.

Ví dụ: Logframe (dự án đầu tư)

TT	Sản phẩm dự kiến	Hoạt động của dự án để có sản phẩm	Thiết bị đã có cho hoạt động dự án	Thiết bị cần tăng cường cho hoạt động dự án	Kinh phí mua thiết bị (triệu VND)	Số cán bộ cần đào tạo	Kinh phí đào tạo
	Quy trình công nghệ tổng hợp vật liệu nano sét nhằm bảo vệ môi trường và xử lý ô nhiễm: a) Chế tạo vật liệu nano sét sử dụng trong công nghệ tạo màng ngăn chống rò rỉ chất thải độc hại.	1. Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tính chất, khả năng khai thác, sử dụng một số loại khoáng vật, sét điển hình ở Việt Nam.	1. Thiết bị phân tích kim loại nặng hiện trường của Anh	Bộ dụng cụ lấy mẫu khoáng sét.	100		
	b) Chế tạo vật liệu nano sét nhằm xử lý các chất ô nhiễm (giảm thiểu ảnh hưởng có hại đến môi trường).	2. Phân tích thành phần địa hóa, khoáng vật học, cấu trúc tinh thể, tính chất hóa lý của các mẫu khoáng sét, đánh giá tính chất.	1. Kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM) 2. Máy nhiễu xạ phổ huỳnh quang tia X (XRF) (kết hợp với TT.KH Vật liệu Khoa Vật Lý).	Hệ thống bình Atterberg để tách chiết cấp hạt sét phục vụ phân tích cỡ nano.	200	2	200 [*]
	c) Mẫu phẩm vật	3. Nghiên cứu quá trình biến đổi của các khoáng sét trong các điều kiện môi trường khác nhau và sự	1. Kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM) 2. Máy nhiễu xạ phổ huỳnh quang tia X (XRF).	Phòng phân tích chuẩn (sạch)	1 000	2	200

	liệu nano sét phụ gia kem chống nắng.	tương tác của các khoáng sét với các chất thải.	3. Máy sắc ký khí (kết hợp với CETASD).				
		4. Nghiên cứu quy trình làm thay đổi hoạt tính và cấu trúc của các khoáng sét khác nhau để tổng hợp, chế tạo các vật liệu nano sét phục vụ bảo vệ môi trường.	1. Kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM). 2. Máy nhiễu xạ phổ huỳnh quang tia X (XRF).				
	Tổng						

Phụ lục III
MẪU VIẾT DỰ ÁN

Trang bìa:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

DỰ ÁN ĐHQGHN

TÊN DỰ ÁN

Đơn vị đề xuất dự án:

Hà Nội 20...

Trang đầu:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

DỰ ÁN ĐHQGHN

TÊN DỰ ÁN

CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ
Ký tên, đóng dấu

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QGHN
Ký tên, đóng dấu

Hà Nội 20...

Thông tin chung**Trang****Phần I: Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư**

1. Cơ sở pháp lý
2. Sự cần thiết phải đầu tư

Phần II: Mục tiêu và nội dung dự án

1. Mục tiêu
2. Sản phẩm, kết quả đầu tư dự kiến
3. Nội dung của dự án
4. Danh sách các thiết bị, cơ sở vật chất cần đầu tư
5. Cơ sở vật chất và nguồn nhân lực thực hiện dự án
6. Kế hoạch thực hiện và quản lý dự án
7. Tính bền vững của dự án
8. Hiệu quả và tác động của dự án
9. Kết luận và kiến nghị đầu tư

Phần III: Các phụ lục

Bảng biểu, danh sách cán bộ tham gia thực hiện dự án, danh mục bài báo khoa học đã công bố, danh mục thiết bị đã có và mua sắm, báo giá, catalog ...

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:
2. Mục tiêu:
3. Sản phẩm dự kiến:
4. Đơn vị chủ quản : Đại học Quốc gia Hà Nội
5. Đơn vị chủ đầu tư:
6. Chủ nhiệm dự án : (họ tên, chức danh, địa chỉ, email, điện thoại liên hệ)
7. Đơn vị thực hiện:
8. Địa điểm đầu tư:
9. Tổng mức đầu tư:
10. Nguồn vốn đầu tư :
11. Thời gian thực hiện: Thời gian bắt đầu và kết thúc

PHẦN I

THUYẾT MINH SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

1. Cơ sở pháp lý

a. Các căn cứ để lập dự án:

- Luật Đầu tư công;
- Luật Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Luật Đấu thầu;
- Căn cứ Luật Xây dựng;
- Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ;
- Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo;
- Quy định về chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan

- ...

b. Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan;

- ...;

2. Sự cần thiết phải đầu tư

Nêu vấn đề cần giải quyết: Phân tích tình hình nghiên cứu KH-CN, đào tạo liên quan đến dự án trên thế giới và trong nước để thấy rõ vấn đề cần giải quyết; phân tích hạn chế, yếu kém về các nguồn lực hiện có ở đơn vị mình, đơn vị khác trong và ngoài ĐHQGHN mà dự án dự kiến đầu tư; đơn vị thực hiện dự án nhận thấy vấn đề và đưa ra phương hướng giải quyết.

Đề xuất phương pháp giải quyết: Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật công nghệ để thuyết minh nêu bật mục tiêu và sản phẩm của dự án.

Vai trò của dự án: Nêu rõ vị trí của dự án, những vấn đề đặt ra trong bối cảnh chung của ngành, của ĐHQGHN và của đơn vị; tính mới, tính sáng tạo của dự án; tính khả thi của dự án, nếu có thể thì nêu bật đây là mô hình có thể được nhân rộng ra nhiều nơi trong nước; những đối tượng hưởng lợi từ dự án.

Sự đóng góp của dự án vào kế hoạch phát triển của ĐHQGHN và đơn vị nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược đến năm 2020 và mục tiêu trung hạn của ĐHQGHN và các đơn vị.

Phân tích các ràng buộc về thể chế trong việc thực hiện các nội dung cốt lõi của kế hoạch phát triển ĐHQGHN và những giải pháp để dự án khắc phục được các ràng buộc này.

Phân tích rủi ro và biện pháp giảm thiểu

Quá trình tham vấn trong thiết kế, xây dựng dự án

PHẦN II

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Mục tiêu

Ghi rõ mục tiêu của dự án nhằm giải quyết vấn đề gì với các mức độ cụ thể là các sản phẩm dự kiến nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ nghiên cứu khoa học cơ bản hay nghiên cứu công nghệ cao, triển khai ứng dụng công nghệ đưa vào thực tiễn sản xuất, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường năng lực đào tạo, quản lý nghiệp vụ.

Mục tiêu cần thể hiện rõ tính liên ngành trong ĐHQGHN, khả năng liên kết với các đơn vị trong nước và quốc tế nhằm nâng cao vị thế của đơn vị và hiệu quả đầu tư.

2. Sản phẩm, kết quả dự kiến

Trên cơ sở mục tiêu dự án, thuyết minh rõ hơn nội dung và tiêu chí đánh giá các kết quả, sản phẩm đầu tư của dự án:

- a) Sản phẩm KH-CN
- b) Sản phẩm đào tạo
- c) Hệ thống trang thiết bị
- d) Sản phẩm về xây dựng cơ sở vật chất
- e) Các sản phẩm và kết quả khác

3. Nội dung của dự án

- a) Khung logic (Logframe)

Xác định nội dung công việc (các hoạt động cần triển khai, các nguồn lực cần thiết bổ sung, trang thiết bị, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, kinh phí...) theo từng giai đoạn (bảng 1).

- Mỗi nội dung công việc phải nêu được phương pháp giải quyết để có thể đạt được mục tiêu và sản phẩm của dự án;

- Nêu thời gian thực hiện các nội dung một cách hợp lý;

- Giải thích được phương pháp lựa chọn là tối ưu và phù hợp với mục đích và khả năng của đơn vị thực hiện dự án.

Bảng 1: Khung logic (Logframe)

TT	Sản phẩm dự kiến	Hoạt động để đạt mục tiêu, sản phẩm	Thiết bị vật tư đã có cho hoạt động dự án	Thiết bị, vật tư cần tăng cường cho hoạt động dự án	Kinh phí mua thiết bị, xây dựng	Số cán bộ cần đào tạo để thực hiện dự án (nếu cần)	Kinh phí đào tạo (nếu cần)	Các nguồn lực khác	Thời gian thực hiện
1	2	1.1	1.1.1 1.1.2						
		1.2	1.2.1 1.2.2						
		2.1							
		2.2							
								
...									
Tổng									

Tất cả mục tiêu cụ thể, sản phẩm dự kiến của dự án cùng các hoạt động để đạt được các sản phẩm này phải được thể hiện đầy đủ xúc tích trong khung logic (bảng 1) theo hướng dẫn trong Phụ lục II.

Phần xây dựng cơ bản (nếu có) được viết riêng:

- Khối lượng xây dựng mới hoặc được mở rộng, nâng cấp, cải tạo các phòng thí nghiệm;

- Kinh phí.

b) Tiến độ triển khai

Lập bảng tiến độ triển khai trong từng giai đoạn

c) Tổng dự toán kinh phí cho từng nội dung, hoạt động của dự án

Lập bảng dự toán kinh phí cho từng khoản mục như sau:

Bảng 2: Dự toán kinh phí

TT	Nội dung công việc	Kinh phí
1	Mua sắm trang thiết bị (theo khung logic)
2	Xây dựng cơ bản	
3	Đào tạo cán bộ	
4	Hoạt động nghiên cứu	
5	Đoàn ra đoàn vào	
6	Quản lý phí và chi khác - Xây dựng, viết dự án - Thẩm định, nghiệm thu, chi khác Kinh phí cho quản lý phí và chi phí khác được tính như sau: 2 triệu đồng + 0.5 % tổng giá trị của dự án
7	Các hoạt động khác	
8	Dự phòng	
	Tổng triệu đồng

4. Danh sách các thiết bị, cơ sở vật chất cần đầu tư

Kết quả, sản phẩm đầu ra cùng với những hoạt động để đạt được các sản phẩm dự kiến là cơ sở để xác định những thiết bị cần được đầu tư mua. Dự án phải thuyết minh được việc mua thiết bị là cần thiết và không trùng lặp với các thiết bị đã có ở ĐHQGHN.

Các thiết bị được tóm tắt lại trong bảng thiết bị, CSVC cần mua sắm, xây dựng với tổng kinh phí dự kiến. Các thiết bị được lựa chọn phải có catalog và 03 báo giá kèm theo làm cơ sở thẩm định tài chính.

Bảng 3: Danh mục thiết bị, cơ sở vật chất cần đầu tư

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Mã hiệu	Nơi sản xuất hoặc xuất xứ	Giá thành đó gồm VAT (triệu đồng)
1					
2					
Tổng số tiền					

Bảng 3 được viết nhằm chi tiết hóa các thiết bị cần đầu tư trong khung logic.

5. Cơ sở vật chất và nguồn lực thực hiện dự án

CSVC hiện có để triển khai dự án (tiềm năng của đơn vị xây dựng dự án và các đơn vị khác trong ĐHQGHN về diện tích, số phòng thí nghiệm và thiết bị hiện có để đảm bảo dự án có thể thực thi).

- Số phòng thí nghiệm, tổng diện tích, điều kiện điện nước, môi trường đảm bảo cho hoạt động của dự án;

- Vị trí phòng thí nghiệm triển khai dự án;

- Bảng trang thiết bị liên quan đến thực hiện dự án hiện có của đơn vị xây dựng dự án và các đơn vị khác trong ĐHQGHN.

Bảng 4: Bảng trang thiết bị liên quan đến thực hiện dự án hiện có của đơn vị

TT	Tên thiết bị	Tính năng	Đơn vị quản lý	Mức độ đáp ứng yêu cầu của dự án

- Năng lực NCKH và đào tạo của đơn vị thực hiện dự án (các công trình NCKH, phát minh sáng chế đã công bố, các dự án, sản phẩm đã thực hiện thành công, thành tích đào tạo sau đại học).

- Danh sách nguồn nhân lực (CB có trình độ khoa học, sử dụng thiết bị tham gia thực hiện dự án); mô tả tính hợp lý khi chọn các CB tham gia dự án.

Bảng 5: Đội ngũ cán bộ hiện có để thực hiện dự án

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Khả năng đảm nhận nhiệm vụ trong dự án đề xuất

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để thực thi dự án: Chú ý phát huy khả năng liên kết với các đơn vị trong ĐHQGHN, các viện nghiên cứu, các bộ ngành liên quan và hợp tác quốc tế.

6. Kế hoạch thực hiện và quản lý dự án

a) Kế hoạch thực hiện

- Sơ đồ quản lý điều hành dự án, hình thức quản lý dự án, giám sát tiến độ thực hiện dự án;

- Kế hoạch triển khai dự án, phương án khai thác sử dụng lao động, phân đoạn tiến độ thực hiện;

- Mức độ phát huy tính liên ngành và khả năng dùng chung thiết bị CSVC, đội ngũ CB trong ĐHQGHN nhằm nâng cao tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, CSVC và các nguồn lực khác được đầu tư.

b) Quản lý tổng thể dự án

Sơ đồ cơ cấu tổ chức thực hiện dự án

- Vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ giải trình của các khoa, phòng ban và/hoặc các bộ phận của đơn vị tham gia vào việc thực hiện dự án

- Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Ban quản lý dự án (nếu có): Địa chỉ liên hệ, điện thoại/fax

- Mô tả tóm lược công việc của các CB chủ chốt của Ban quản lý dự án (nếu có). Mô tả chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị tham gia dự án; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia gồm các đơn vị trực thuộc của ĐHQGHN các đối tác ngoài ĐHQGHN và việc phối hợp với sinh viên và phụ huynh.

c) Mua sắm đấu thầu

- Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự cho công tác mua sắm đấu thầu

- Chính sách và quy trình mua sắm đấu thầu

+ Chính sách:

+ Quy trình: Xây dựng hồ sơ mời thầu để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt → đăng quảng cáo → bán hồ sơ mời thầu (theo thời gian quy định) → mở thầu → xét thầu → lập báo cáo xét thầu theo mẫu chung của ngân hàng thế giới để trình các cấp phê duyệt → thương thảo và ký hợp đồng.

- Quy trình lập kế hoạch mua sắm đấu thầu

- Các phương pháp mua sắm hàng hoá

- Các phương pháp mua sắm trong sửa chữa nhỏ

- Công bố các thông báo về hợp đồng và các kết quả trong hợp đồng

d) Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CB (xem bảng 6)

Bảng 6: Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ

TT	Mô tả công việc đảm nhận	Yêu cầu để đảm nhận công việc				Số lượng cán bộ cần đào tạo bồi dưỡng	Thời gian đào tạo	Kinh phí đào tạo
		Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Chức năng quản lý	Các yêu cầu khác			

e) Kế hoạch hoạt động KHCN (xem bảng 7)

Bảng 7: Kế hoạch hoạt động KHCN

TT	Sản phẩm	Nội dung hoạt động	Thời gian	Cán bộ đảm nhận	Kinh phí

g) Hoạt động đào tạo

h) Quản lý tài chính

- Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự cho công tác quản lý tài chính
- Chính sách và quy trình kế toán
- Phần mềm và hệ thống tin học kế toán
- Lập kế hoạch và lập ngân sách
- Dòng tiền và kế hoạch giải ngân
- Giao dịch ngân hàng
- Kiểm soát quản lý tiền mặt, tài sản cố định, tồn kho và cung ứng
- Cơ chế báo cáo và giám sát
- Kế hoạch kiểm toán bên ngoài

i) Các đối tượng bảo vệ: giới, dân tộc thiểu số, môi trường

- Các đối tượng bảo vệ về giới
- Các đối tượng bảo vệ về dân tộc thiểu số
- Các đối tượng bảo vệ môi trường

k) Giám sát, đánh giá, tổng kết

- Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự cho công tác giám sát và đánh giá kết quả
- Nguồn số liệu cho việc đánh giá các chỉ số thực hiện của dự án
- Trách nhiệm thu thập số liệu cho công tác giám sát và đánh giá kết quả
- Phương pháp phân tích số liệu
- Trách nhiệm báo cáo số liệu
- Quy trình báo cáo
- Phê duyệt số liệu kết quả, sản phẩm cuối cùng
- Phổ biến thông tin kết quả sản phẩm cuối cùng của dự án
- Sử dụng số liệu giám sát trong quá trình thực hiện chiến lược, kế hoạch năm (kế hoạch chiến lược) phát triển của ĐHQGHN, đơn vị.
- Tổng kết dự án

Đối chiếu với mục tiêu, sản phẩm trong thuyết minh dự án lập báo cáo tổng kết thực hiện dự án nêu toàn bộ tình hình, kết quả, hiệu quả và tác động của dự án, đánh giá mức độ đạt các chỉ tiêu của dự án, đề xuất phát triển hướng, nhiệm vụ tiếp theo (xem Phụ lục VI).

7. Tính bền vững dự án

Cần nêu rõ các yêu cầu sau:

Khả năng duy trì và phát triển kết quả đầu tư dự án; các giải pháp, điều kiện để tiếp tục duy trì các hoạt động, các sản phẩm, kết quả của dự án sau giai đoạn đầu tư ban đầu;

- Nguồn nhân lực phát triển sản phẩm, kết quả, hiệu quả của dự án hiện tại và tương lai;

- Chế độ bảo dưỡng bảo trì;

- Đánh giá tác động môi trường, giải pháp phòng cháy, thiên tai, yêu cầu an ninh quốc phòng;

- Phân tích rủi ro của dự án, các phương pháp hạn chế rủi ro của dự án.

a) Khả năng bền vững về tài chính của dự án

Kế hoạch ngân sách cần thiết để đảm bảo bền vững về tài chính của dự án sau giai đoạn đầu tư.

b) Khả năng bền vững về nguồn nhân lực của dự án

Kế hoạch cho đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng CB, trong đó có CB vận hành, hướng dẫn sử dụng thiết bị.

c) Kế hoạch và chủ trương về chính sách nhằm đảm bảo khả năng bền vững về thể chế của dự án sau giai đoạn đầu tư

- Về cơ cấu tổ chức quản lý;

- Về cơ chế, quá trình quản lý;

- Về cam kết của đơn vị về duy tu bảo dưỡng, trang thiết bị, CSVC, hệ thống thông tin được đầu tư cũng như các sản phẩm khác của giai đoạn đầu tư ban đầu;

- Về mặt đầu tư cho đào tạo, KHCN;

- Về môi trường hoạt động, về các điều kiện làm việc...

- Về giám sát kết quả;

- Về hệ thống đảm bảo chất lượng;

- Về các nội dung quản lý khác.

d) Các yếu tố khác đảm bảo tính bền vững của dự án

8. Hiệu quả và tác động của dự án

- Về đào tạo, nghiên cứu KH-CN, tài chính và CSVC, bồi dưỡng đội ngũ CB (đối chiếu với Phụ lục I), mở ra các dự án, các đề tài mới, mở rộng các hợp tác với các bên liên quan;

- Về nâng cao hiệu quả liên thông, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị, về phát triển tinh thần cộng đồng, thương hiệu của ĐHQGHN, các đơn vị;

- Về xã hội;

- Về các hiệu quả và tác động khác.

9. Kết luận và kiến nghị đầu tư

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

Ký tên ghi, rõ họ tên

Phụ lục IV

MẪU ĐỀ XUẤT XIN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 4633 /HD-ĐHQGHN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của ĐHQGHN)

Công văn xin chủ trương đầu tư của đơn vị kèm theo nội dung đề xuất dự án gồm các thông tin sau:

- Tên dự án;
- Đơn vị đề xuất;
- Dự kiến đơn vị chủ đầu tư chủ nhiệm dự án;
- Đơn vị thụ hưởng dự án;
- Hình thức quản lý dự án;
- Địa điểm triển khai dự án;
- Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư;
- Mục tiêu;
- Sản phẩm dự kiến;
- Các nội dung đầu tư;
- Các sản phẩm của dự án;
- Thời gian và tiến độ thực hiện;
- Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí;
- Tính bền vững của dự án và hiệu quả của dự án;
- Các thông tin khác:
 - + Kết quả tiếp xúc, thăm dò thị trường trong nước và ngoài nước để xác định nguồn cung ứng thiết bị, hàng hoá phục vụ công tác đào tạo và NCKH, xem xét khả năng về nguồn vốn đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư;
 - + Kết quả điều tra, khảo sát và chọn địa điểm xây dựng.

Mẫu tờ trình thẩm định dự án đầu tư

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư

Kính gửi:.....

Căn cứ vào các văn bản pháp lý có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
 4. Chủ nhiệm lập dự án:
 5. Mục tiêu đầu tư và sản phẩm cần đạt:
 6. Nội dung và quy mô đầu tư :
 7. Địa điểm triển khai:
 8. Thiết bị công nghệ (nếu có):
 9. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng cộng:
- Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
 - Chi phí thiết bị:
 - Chi phí đào tạo, bồi dưỡng:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí khác:
 - Chi phí dự phòng:
10. Nguồn vốn đầu tư:
 11. Hình thức quản lý dự án:
 12. Thời gian thực hiện dự án:
 13. Các nội dung khác:
 14. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư ./.

Chủ đầu tư

Nơi nhận:

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

- Như kính gửi

- Lưu:

Phụ lục V

MẪU VIẾT QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 4633/HD-ĐHQGHN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của ĐHQGHN)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư

(tên cá nhân/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...;

Căn cứ pháp lý có liên quan quản lý dự án đầu tư;

Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày... và báo cáo kết quả thẩm định của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
 4. Chủ nhiệm lập dự án:
 5. Mục tiêu, sản phẩm dự án :
 6. Nội dung và quy mô đầu tư:
 7. Địa điểm triển khai:
 8. Thiết bị công nghệ (nếu có):
 9. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng mức:
- Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
 - Chi phí, thiết bị:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:
- 10. Nguồn vốn đầu tư:
- 11. Hình thức quản lý dự án:
- 12. Thời gian thực hiện dự án:
- 13. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:

Cơ quan phê duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục VI

NỘI DUNG CỐT LÕI BÁO CÁO TỔNG KẾT

(ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-ĐHQGHN ngày tháng năm 2015 của ĐHQGHN)

1. Mở đầu

Giới thiệu mục tiêu, sản phẩm trong thuyết minh dự án

2. Nội dung tổng kết

Chương 1: Tình hình tổ chức thực hiện dự án

Chương 2: Các sản phẩm đạt được của dự án

Chương 3: Các hoạt động của dự án

Chương 4: Tự đánh giá dự án

- Mức độ đạt mục tiêu, sản phẩm dự án
- Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, các hoạt động dự án
- Giải ngân
- Hiệu quả dự án
- Tác động của dự án
- Các rủi ro và cách khắc phục
- Tính bền vững của dự án
- Các bài học kinh nghiệm

Chương 5: Phát triển dự án

- Khả năng, cách thức, tiêu chí, điều kiện sử dụng và phát triển sản phẩm kết quả dự án;

- Khả năng xây dựng phát triển những dự án mới, các nghiên cứu KH-CN, hoạt động đào tạo mới;

- Khả năng mở rộng đối tác;

- Đề xuất dự án tiếp theo.

Chương 6: Các kiến nghị

3. Kết luận

4. Tài liệu tham khảo

5. Phụ lục